

Bản án số: 52/2022/HS-ST

Ngày: 31-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Thẩm phán: Ông Trịnh Xuân Miên

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Dương Thành Công

Ông Phạm Văn Đông

Bà Nguyễn Thu Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Đoàn Thanh Nh, sinh năm 1982 tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau; chỗ ở khác: Khu phố 1, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn B và bà Mai Thị C; có vợ tên Nguyễn Thị Mỹ Ng và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2022 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Khánh Dương của Văn phòng Luật sư Mũi Cà Mau thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Bị hại, gồm có:

1. Ông Nguyễn Chí D, sinh năm 1978 (có mặt)

2. Bà Hồ Kim Ng1, sinh năm 1978 (vợ ông D, có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp H, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, gồm có:

1. Ông Ngô Trọng Nh1, sinh năm 1983 (có mặt)

2. Bà Vương Hồng Nh2, sinh năm 1985 (vợ ông Nh1, có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khóm 7, thị trấn C, huyện Ph, tỉnh Cà Mau

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1984 (vợ bị cáo Nh, có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết với nhau từ trước, năm 2012 Đoàn Thanh Nh, ông Vũ Văn T và ông Trần Văn Ph cùng thỏa thuận nhận chuyển nhượng diện tích 816m² (ngang 17m, dài 48m) đất trồng cây lâu năm của ông Mạc Văn D1, nhưng thửa đất do bà Hồ Thị D2 là mẹ ruột của ông D1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BL188877, được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 20/01/2013, thửa đất số 154, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C. Trong đó, Đoàn Thanh Nh nhận chuyển nhượng diện tích 6m x 48m, ông T nhận chuyển nhượng diện tích 6m x 48m và ông Ph nhận chuyển nhượng diện tích 5m x 48m. Do mục đích sử dụng đất là “Đất trồng cây lâu năm khác”, với diện tích từng người theo quy định không tách thửa được nên ông T và ông Ph thỏa thuận giao cho Nh cùng vợ là bà Nguyễn Thị Mỹ Ng đứng tên toàn bộ diện tích 816m² mà cả ba nhận chuyển nhượng.

Ngày 17/12/2012, vợ chồng Nh và bà D2 đến Văn phòng công chứng Đất Mũi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với toàn bộ diện tích 816m². Ngày 24/01/2015, vợ chồng Nh được Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa đất và diện tích đất nêu trên.

Từ ngày 02/8/2019 đến ngày 11/8/2020, Nh đã dùng 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho Ngân hàng HDBank chi nhánh Cà Mau vay 04 lần với tổng số tiền vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Trong đó có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 154, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C mà Nh, T và Ph đã nhận chuyển nhượng từ ông D1 và bà D2.

Khoảng đầu tháng 10 năm 2019, do không có nhu cầu sử dụng nên ông Ph thỏa thuận chuyển nhượng lại diện tích đất 5m x 48m của ông Ph cho Nh với giá 400.000.000 đồng.

Ngày 28/10/2019, Nh cùng bà Ng ký hợp đồng chuyển nhượng đất diện tích 5m x 48m mà Nh nhận chuyển nhượng từ ông Ph lại cho vợ chồng ông Ngô Trọng Nh1 và bà Vương Hồng Nh2 với giá 400.000.000 đồng, hợp đồng chuyển nhượng do Nh soạn, có ông Ngô Văn Th là Trưởng ấp X, xã L ký chứng kiến. Quá trình thỏa thuận chuyển nhượng Nh nói cho ông Nh1 và bà Nh2 biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nh đã thế chấp vay Ngân hàng HDBank chi nhánh Cà Mau, đến hạn trả khoản tiền vay Nh sẽ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông Nh theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 13/3/2020, Nh lại tiếp tục cùng bà Ng, ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất ngang 5m x dài 48m mà Nh đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nh và bà Nh2 cho vợ chồng ông Nguyễn Chí D và bà Hồ Kim Ng1, có bà Mai Thị Kiều Nh2 và ông Ngô Văn Th là Trưởng ấp X, xã L ký chứng kiến. Quá trình thỏa thuận, ký hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông D và bà Ng1, Nh nói dối với bà Ng và ông Th là đứng ra chuyển nhượng giúp cho vợ chồng ông Nh. Đồng thời Nh cũng nói dối với ông D và bà Ng1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho Ngân hàng HDBank chi nhánh Cà Mau để vay tiền, Nh cam kết đến tháng 8/2020, sẽ đến hạn trả khoản tiền vay Nh sẽ lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục sang tên cho ông D và bà Ng1 theo quy định của pháp luật, nhưng Nh không nói cho ông D và bà Ng1 biết diện tích đất nêu trên Nh đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nh1 và bà Nh2. Hợp đồng chuyển

nhượng cũng do Nh soạn, giá chuyển nhượng là 550.000.000 đồng, ông D và bà Ng1 đã giao đủ số tiền 550.000.000 đồng do Nh nhận.

Tuy nhiên, từ đó về sau Nh đưa ra nhiều lý do để kéo dài, né tránh việc làm thủ tục sang tên cho ông D, bà Ng1 và cả ông Nh1, bà Nh2. Đến ngày 05/10/2020, vợ chồng Nh bỏ đi khỏi địa phương.

Ngày 06 và 07/3/2021, vợ chồng bà Hồ Kim Ng1, ông Nguyễn Chí D và vợ chồng ông Ngô Trọng Nh1, bà Vương Hồng Nh2 tố giác vợ chồng Nh có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 08 và 09/10/2020, bà Mai Thị Kiều Nh2 và ông Lâm Hoàng A tố giác vợ chồng Nh có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Ngày 09/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau truy tìm gặp Nh tại ấp Thanh Sơn, xã Thanh Tây, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh mời Nh làm việc.

Tại Bản kết luận giám định số 104/KL-KTHS, ngày 20/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết họ tên “**Đoàn Thanh Nh**” dưới mục “**Bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất**” và chữ ký, phía dưới chữ ký có dấu tên **Đoàn Thanh Nh** dưới mục “**Bên chuyển nhượng QSDĐ**” trên 02 (hai) “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 28/10/2019, 13/03/2020 (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**Đoàn Thanh Nh**”, dưới mục “**NGƯỜI KHAI**” trên 05 (năm) “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” ngày 11/4/2022, 12/4/2022 (Ký hiệu từ M1 đến M5) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Đoàn Thanh Nh**” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” ngày 15/4/2022 (Ký hiệu M6) là do cùng một người ký và viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Thị Mỹ Ng**” dưới mục “**Bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất**”, “**Bên chuyển nhượng QSDĐ**” trên 02 (hai) “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 28/10/2019, 13/03/2020 (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Thị Mỹ Ng**” dưới mục “**NGƯỜI KHAI**” trên 03 (ba) “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” cùng ngày 14/4/2022 (Ký hiệu từ M7 đến M9) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Thị Mỹ Ng**” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” ngày 14/4/2022 (Ký hiệu M10) là do cùng một người ký và viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết họ tên “**Ngô Trọng Nh**” dưới mục “**Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất**” trên “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 28/10/2019 (Ký hiệu A1) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**Ngô Trọng Nh**” dưới mục “**NGƯỜI KHAI**” trên “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” hồi 14 giờ ngày 06/3/2021 (Ký hiệu M11) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Ngô Trọng**

Nh” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” hồi 17 giờ 10 phút ngày 13/4/2022 (Ký hiệu **M12**) là do cùng một người ký và viết ra.

4. Chữ ký, chữ viết họ tên “**Vương Hồng Nh2**” dưới mục “**Bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất**” trên “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 28/10/2019 (Ký hiệu **A1**) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**Vương Hồng Nh2**” dưới mục “**NGƯỜI KHAI**” trên “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” ngày 01/7/2021 (Ký hiệu **M13**) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Vương Hồng Nh2**” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” hồi 14 giờ ngày 13/4/2022 (Ký hiệu **M14**) là do cùng một người ký và viết ra.

5. Chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Chí D**” dưới mục “**Bên nhận chuyển nhượng QSDĐ**” trên “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 13/03/2020 (Ký hiệu **A2**) so với chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Chí D**” dưới mục “**NGƯỜI KHAI**” trên “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” ngày 16/6/2021 (Ký hiệu **M15**) và chữ ký, chữ viết họ tên “**Nguyễn Chí D**” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” hồi 15 giờ ngày 13/4/2022 (Ký hiệu **M16**) là do cùng một người ký và viết ra.

6. Chữ ký “**Ng1**”, chữ viết họ tên “**Hồ Kim Ng1**” dưới mục “**Bên nhận chuyển nhượng QSDĐ**” trên “**HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**” ngày 13/03/2020 (Ký hiệu **A2**) so với chữ ký “**Ng1**”, chữ viết họ tên “**Hồ Kim Ng1**” dưới mục “**NGƯỜI KHAI**”, “**NGƯỜI TỐ GIÁC, BÁO TIN VỀ TỘI PHẠM**” trên “**BIÊN BẢN GHI LỜI KHAI**” hồi 08 giờ ngày 06/3/2021; “**BIÊN BẢN TIẾP NHẬN NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM**” ngày 06/3/2020 (Ký hiệu **M17, M18**) và chữ ký “**Ng1**”, chữ viết họ tên “**Hồ Kim Ng1**” trên “**BIÊN BẢN (Về việc: Thu mẫu chữ ký, chữ viết)**” hồi 15 giờ 15 phút ngày 13/4/2022 (Ký hiệu **M19**) là do cùng một người ký và viết ra.

- Tại Cáo trạng số 42/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 8 năm 2022, Viện kiểm sát Nh1 dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Nh về tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát Nh1 dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nh phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”, phạt bị cáo từ 07 năm đến 10 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nh hoàn trả cho vợ chồng ông D 490.000.000 đồng.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ bị cáo là lao động chính trong gia đình và có con nhỏ và đề nghị phạt bị cáo 07 năm tù.

- Ông D và bà Ng1 trình bày: Tổng số tiền bị cáo đã bồi thường được 02 lần là 60 triệu đồng, yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 490.000.000 đồng; Xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Ông Nh1 trình bày: Không có ý kiến gì về việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng Nh với vợ chồng ông vào ngày 28/10/2019.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 28/10/2019, Đoàn Thanh Nh đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Ngô Trọng Nh1 và vợ là bà Vương Hồng Nh2 phần đất ngang 5m x dài 48m với giá 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Phần đất này là một phần thuộc thửa đất số 154, tờ bản đồ 07, tọa lạc tại ấp X, xã L, thành phố C do vợ chồng Nh đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 624382 do Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau cấp ngày 24/01/2015. Nhưng đến ngày 13/3/2020, Nh lại tiếp tục thực hiện hành vi gian dối ký hợp đồng chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Chí D và vợ là bà Hồ Kim Ng1 để chiếm đoạt của vợ chồng ông D số tiền là 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng. Với những tình tiết này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố Nh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để trả nợ, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết, tin tưởng của vợ chồng ông Nh1 khi mua đất không xây dựng nhà trên đất, không quản lý đất nên bị cáo nảy sinh ý định gian dối lấy phần đất đã bán cho vợ chồng ông Nh1 tiếp tục bán cho vợ chồng ông D, xâm phạm đến quyền sở hữu riêng của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ sau đây cho bị cáo: Quá trình điều tra và xét xử, bị cáo đã khắc phục cho

bị hại được 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án, tiền sự; Vợ chồng bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các đặc điểm Nh1 thân của bị cáo, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát Nh1 dân tỉnh Cà Mau là có cơ sở. Hội đồng xét xử cần tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo thành người tốt cũng như phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của vợ chồng ông D 550.000.000 (năm trăm năm mươi triệu) đồng, đã khắc phục được 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, nên phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn lại 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng. Trường hợp chậm thanh toán còn phải chịu lãi suất theo quy định.

[7] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo được chấp nhận một phần.

[8] Do bị kết án và phải hoàn trả tiền chiếm đoạt nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[9] Đối với Nguyễn Thị Mỹ Ng (vợ bị cáo) trực tiếp ký chuyển nhượng phần đất cho vợ chồng ông Nh1 và cho vợ chồng ông D, quá trình điều tra xác định Nh nói dối Ng ký để bán giùm cho vợ chồng ông Nh1. Ng không biết Nh thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông D. Vì vậy, Ng không đồng phạm với Nh trong việc chiếm đoạt tiền của vợ chồng ông D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau không xử lý hình sự đối với Ng là có căn cứ.

[10] Đối với đơn tố giác của vợ chồng ông Nh1 về việc Nh chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất nêu trên cũng như đơn tố giác của ông Lâm Trường Á và vợ là bà Mai Thị Kiều Nh2 về việc Nh vay tiền. Các giao dịch giữa Nh và vợ chồng ông Nh1 cũng như với vợ chồng ông Ân là các giao dịch dân sự nên được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174, Điều 48, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự; các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Thanh Nh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.
2. Phạt bị cáo Nh 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22 tháng 4 năm 2022.
3. Buộc bị cáo Nh phải hoàn trả cho ông Nguyễn Chí D và vợ là bà Hồ Kim Ng1 490.000.000 (bốn trăm chín mươi triệu) đồng.
4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 23.600.000 (hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

6. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd cấp cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Cục THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế